

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày: 04-03- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Thành và ông Nguyễn Ngọc Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Đức Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Tín T (tên gọi khác: C), sinh ngày 18/8/1983 tại thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ C khu V, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi ở hiện tại: H P, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Nguyễn Văn C1 (chết); họ và tên mẹ: Dương Thị Thu H, sinh năm 1956; vợ Nguyễn Thị Diệu T1, sinh năm 1990; con ruột: 02 người, sinh năm 2013 và 2017; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

Ngày 16/05/2001, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 05 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 36/HSST ngày 16/05/2001. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/06/2001.

Ngày 28/11/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 22 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích theo Bản án hình sự phúc thẩm số 136/HSPT ngày

28/11/2003.

Ngày 25/05/2004, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 18 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, tổng hợp với Bản án hình sự phúc thẩm số 136/HSPT ngày 28/11/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, buộc phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 40 tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 41/HSST ngày 25/05/2004. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 24/07/2006.

Ngày 22/05/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 36 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích theo Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2008/HSST ngày 22/05/2008. Chấp hành xong ngày 07/09/2010.

Ngày 07/09/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bình Định ra Quyết định khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Ngày 19/09/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 BLHS theo Bản án hình sự sơ thẩm số 154/2023/HS-ST ngày 19/09/2023, thời hạn tù tính từ ngày 08/05/2023.

Bị cáo đang chấp hành án. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Vợ chồng bà Tô Thị D – sinh năm 1994, ông Lê Quốc T2 – sinh năm 1993; nơi ĐKTT của bà D: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; nơi ĐKTT của ông T2: Thôn P, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nơi ở hiện tại: Nhà T, đường D, khu phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Tô Văn A, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Quang V, sinh năm 1979; địa chỉ: A N, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1987; địa chỉ: C L, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Huỳnh Nhật N, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ E, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Ý, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Bà Tô Thị Bích D1, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 04/5/2023, Huỳnh Nhật N gọi điện rủ Nguyễn Tín T đi từ thành phố Q, tỉnh Bình Định vào thị xã S, tỉnh Phú Yên để trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Đến khoảng 00 giờ ngày 05/5/2023, N nói với T do N bận công việc cá nhân nên N không đi trộm cắp tài sản với T. Sau đó T hỏi N có quen ai nhờ chở T đi công việc (T không nói cho N biết cụ thể công việc gì) thì N gọi điện cho 01 người tên B qua ứng dụng facebook rồi nói B chở T đến để chở đi công việc thì B đồng ý (B và T có quen **biết** nhau trước đó khoảng 01 tháng). Khoảng 01 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô (không xác định biển kiểm soát, xe do T mượn của B mấy ngày trước đó để đi lại) đến khu vực chợ D2 thuộc thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định gặp B. Sau đó B điều khiển xe mô tô chở T vào thị xã S để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, khi đến đoạn đường bê tông thuộc thôn H, xã X, thị xã S thì B và T quan sát thấy nhà của ông Nguyễn Văn Đ không đóng cổng nên T nói B dừng xe và canh giới tại khu vực trước nhà, còn T lén lút đi đến khu vực thềm nhà của ông Đ trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng và 01 túi xách đựng tài sản của vợ chồng chị Tô Thị D và anh Lê Quốc T2 rồi lên xe cùng với B chạy về hướng thành phố Q, tỉnh Bình Định. Trên đường đi, T kiểm tra bên trong túi xách phát hiện số tiền 2.000.000 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng trắng đựng trong 01 hộp nhựa tròn và một số giấy tờ tùy thân của gia đình chị D. T nói với B chỉ trộm cắp được 2.000.000 đồng rồi T lấy toàn bộ tài sản, giấy tờ bỏ vào túi quần, đồng thời vứt bỏ túi xách và hộp đựng nữ trang. Sau đó, T đưa cho B số tiền 1.000.000 đồng trộm cắp được. Đối với điện thoại di động thì T dùng thông tin cá nhân trên giấy tờ của chị D để mở và thay đổi mật khẩu, đồng thời xóa tài khoản Icloud trên điện thoại.

Đến khoảng 08 giờ ngày 05/5/2023, T đem điện thoại di động trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại Quang V tại số A N, phường N, thành phố Q bán cho anh Trần Quang V (là chủ cửa hàng) được số tiền 6.000.000 đồng tiêu xài. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T đem sợi dây chuyền trộm cắp được đến tiệm V1 tại đường L, phường L, thành phố Q bán cho bà Nguyễn Thị Ngọc L được số tiền 17.900.000 đồng tiêu xài. Sau đó Nguyễn Tín T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q bắt, tạm giam để điều tra về hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án khác, quá trình điều tra T tự thú với Cơ quan Công an về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 05/5/2023 tại thôn H, xã X, thị xã S.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 21/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã S kết luận: Tại thời điểm ngày

05/5/2023, tài sản bị trộm cắp có tổng giá trị là 21.750.000 đồng, trong đó: 01 dây chuyền loại vàng Trắng, trọng lượng 05 chỉ trị giá 13.750.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng đã qua sử dụng, mua năm 2021 trị giá 8.000.000 đồng.

Riêng 01 túi xách và 01 hộp nhựa đựng nữ trang không có giá trị nên không định giá tài sản.

Ngoài ra, từ tháng 01/2023 đến tháng 5/2023, Nguyễn Tín T (không có nghề nghiệp) còn liên tục thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản khác (mỗi vụ giá trị tài sản bị trộm cắp đều trên 2.000.000 đồng) trên địa bàn thành phố Q và huyện T, tỉnh Bình Định, dùng tiền phạm tội có được để làm nguồn sống chính

Vật chứng vụ án: Các vật chứng thu giữ được gồm 01 căn cước công dân số 054194006414 tên Tô Thị D, 01 căn cước công dân số 054189012802 tên Tô Thị Bích D1, 01 bảo hiểm xe mô tô biển kiểm soát 78K1-187.92 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 78K1-187.92 tên Lê Quốc T2, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 63B2-866.07 và 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số AD440095 tên Tô Thị Bích D1. Các vật chứng không thu giữ được gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng; 01 sợi dây chuyền loại vàng trắng trọng lượng 05 chỉ; số tiền 2.000.000 đồng; 01 túi xách nữ; 01 hộp nhựa đựng nữ trang.

Trách nhiệm dân sự: Vợ chồng bị hại chị Tô Thị D và anh Lê Quốc T2 yêu cầu Nguyễn Tín T bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị trộm cắp là 23.750.000 đồng.

Cáo trạng số 49/CT-VKSSC ngày 10/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu đã truy tố bị cáo Nguyễn Tín T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 23.750.000 đồng.

Đại diện của bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị trộm cắp là 23.750.000 đồng.

Người làm chứng Lê Thị Ý trình bày: Khoảng 22h ngày 04/5/2023 bà Tô Thị D và Tô Thị Bích D1, vợ chồng bà Nguyễn Thị L1 chơi tại thêm nhà của bà Ý ở thôn H, xã X. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 05/5/2023 D cùng vợ chồng bà L1 đến lăng cúng gần nhà lấy cháo về ăn, còn bà D1 và bà Ý ngủ tại thêm nhà bà Ý. Trước khi bà D đi lấy cháo có để lại một túi xách cầm tay nhỏ, màu xanh và một điện thoại di động hiệu Iphone ở thêm nhà, phía dưới chân bà Ý nằm. Lúc đó thêm nhà có điện sáng, cửa cổng mở. Khoảng 03 giờ 10 phút, bà D và vợ chồng bà L1 trở về

thì bà D phát hiện điện thoại di động và túi xách cầm tay của bà D bị mất. Sau đó, bà Ý nghe bà D nói bên trong túi xách có 01 dây chuyền vàng trắng, số tiền 2.500.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân của D và D1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo tại Cáo trạng số 49/CT-VKSSC ngày 10/10/2023, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tín T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tín T từ 02 năm 06 tháng – 03 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù tại bản án số 154/2023/HSST ngày 19/9/2023 của TAND thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án; thời hạn tù tính từ ngày 08/05/2023.

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có nghề nghiệp.

- Về vật chứng vụ án: Các vật chứng thu giữ được, việc cơ quan CSĐT trao trả cho bị hại, người liên quan, người làm chứng đúng quy định nên đề nghị không xem xét. Đối với vật chứng là 01 túi xách nữ; 01 hộp nhựa đựng nữ trang bị cáo đã vứt bỏ, cơ quan CSĐT không thu giữ được nên đề nghị không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng giá trị tài sản bị trộm là 23.750.000 đồng.

Trong phần tranh luận: Bị cáo đồng ý với nội dung bản luận tội, không tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Cơ quan điều tra Công an thị xã S và Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, tất cả những người liên quan và một số người làm chứng vắng mặt. Xét thấy những người này đã có lời khai tại hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét

xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] *Về tội danh và khung hình phạt; tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; mức hình phạt cho bị cáo:* Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Tín T tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra phù hợp nhau, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 03 giờ ngày 05/5/2023, tại thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, Nguyễn Tín T và người có tên B (chưa xác định cụ thể nhân thân, lai lịch) đã có hành vi lén lút lấy 01 điện thoại di động trị giá 8.000.000 đồng và 01 túi xách bên trong có số tiền 2.000.000 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng trắng trọng lượng 05 chỉ trị giá 13.750.000 đồng của vợ chồng chị Tô Thị D và anh Lê Quốc T2. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Tín T và người tên B đã chiếm đoạt là 23.750.000 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Tín T còn thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản khác tại thành phố Q và huyện T, tỉnh Bình Định, dùng tiền phạm tội có được để làm nguồn sống chính. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Tín T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, truy tố tại Cáo trạng số 49/CT-VKSSC ngày 10/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân rất xấu, 05 lần bị kết án phạt tù, trong đó có 02 lần bị kết án về nhóm tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác; hiện nay đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bình Định ra Quyết định khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo Nguyễn Tín T đã tự thú về hành vi phạm tội; xuyên suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS khi xem xét lượng hình đối với bị cáo. Từ việc xem xét nhân thân của bị cáo, tính chất và mức độ tội phạm thì thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm giáo dục riêng cũng như răn đe phòng ngừa chung.

[5] *Hình phạt bổ sung:* Xét bị cáo không có tài sản, không có công việc tạo thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] *Về xử lý vật chứng:* Việc cơ quan CSĐT trao trả cho bị hại, người liên quan, người làm chứng các vật chứng thu giữ được đúng quy định nên không xem xét. Đối với vật chứng là 01 hộp nhựa đựng nữ trang bị cáo đã vứt bỏ, cơ quan CSĐT không thu giữ được nên không xem xét.

[7] *Trách nhiệm dân sự*: Chấp nhận yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 23.750.000 đồng tổng giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp.

[8] Đối với người có tên B cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với Nguyễn Tín T, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S xác minh người có họ tên là Trần Trọng B1, sinh năm 2000, trú tại xóm B, thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, hiện tại Trần Trọng B1 không có mặt tại địa phương nên chưa thể tiến hành làm việc, lấy lời khai của B1. Đồng thời bị cáo Nguyễn Tín T không thể nhận dạng được Trần Trọng B1 qua ảnh. Do đó chưa có đầy đủ cơ sở để ra quyết định khởi tố bị can đối với Trần Trọng B1 về tội Trộm cắp tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S đã ra Quyết định truy tìm người đối với Trần Trọng B1 và sẽ tiếp tục xác minh điều tra, xử lý sau.

[9] Đối với Huỳnh Nhật N có gọi điện rủ Nguyễn Tín T đi trộm cắp tài sản nhưng sau đó không đi trộm cắp tài sản với T vì bận việc cá nhân. Huỳnh Nhật N có gọi điện qua ứng dụng facebook cho B1 để nhờ B1 chở T đi công việc. Tuy nhiên N không biết được T và B1 đi công việc gì và N không biết T và B1 đi trộm cắp tài sản nên hành vi của Huỳnh Nhật N không có dấu hiệu đồng phạm với Nguyễn Tín T về tội Trộm cắp tài sản.

[10] Đối với anh Trần Quang V có mua lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 từ Nguyễn Tín T nhưng anh V không biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có nên không phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[11] Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc L không xác định được việc có mua 01 sợi dây chuyền vàng trắng từ Nguyễn Tín T hay không vì lượng khách hàng ngày mua bán vàng tại tiệm vàng rất nhiều nhưng bà L xác định không mua vàng có nguồn gốc do phạm tội mà có từ khách hàng. Bị cáo Nguyễn Tín T cũng xác định không nói nguồn gốc sợi dây chuyền này là do trộm cắp mà có cho người mua vàng. Do đó không có cơ sở để xem xét, xử lý đối với hành vi của bà Nguyễn Thị Ngọc L.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.187.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 173, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 48, Điều 56 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tín T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tín T 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn tù

tính từ ngày bắt thi hành án. Hình phạt bổ sung: Không.

Tổng hợp với hình phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù tại bản án số 154/2023/HSST ngày 19/9/2023 của TAND thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (S) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 08/05/2023. Áp dụng hình phạt bổ sung: Không.

4. Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT trao trả cho bị hại, người liên quan, người làm chứng các vật chứng thu giữ được.

5. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tín T bồi thường cho bị hại vợ chồng bà Tô Thị D, ông Lê Quốc T2 số tiền 23.750.000 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tín T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm 1.187.500 đồng (Một triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp Phú Yên;
- VKSND TX. Sông Cầu;
- VKSND tỉnh PY;
- CSĐT Công an TX. Sông Cầu;
- Chi cục THADS TX. Sông Cầu;
- CQ THA HS TX. Sông Cầu;
- Bị cáo, bị hại, NLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên

